

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1866/2022/DS-ST

Ngày: 27/5/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Bùi Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (trụ sở 3) – địa chỉ: 18 đường số 16, khu phố 5, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 856/TB-TLVA ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1941/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 2551/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: 266-268 đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Khắc T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số II 41 đường số X, khu phố Y, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền ông Lã Ngọc M trình bày:

Vào ngày 13/12/2012 ông Lê Khắc T và Ngân hàng thương mại cổ phần S ký với nhau hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã cấp 02 thẻ tín dụng cho ông T (gồm thẻ Visa Credit Classic 472074-7686 và thẻ Family Local Credit 970403-8207) với hạn mức sử dụng chung là 25.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.400.000 đồng (trong đó thẻ Visa Credit Classic 472074-7686 là 0 (không) đồng, thẻ Family Local Credit 970403-8207 là 31.400.000 đồng; trong quá trình sử dụng thẻ, từ

ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 8.200.000 đồng (thẻ Visa Credit Classic 472074-7686 là 0 (không) đồng, thẻ Family Local Credit 970403-8207 là 8.200.000 đồng và ngưng không thực hiện kê từ ngày 21/5/2012. Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, nhưng ông T vẫn không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T; vì vậy Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc ông Lê Khắc T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vay tạm tính đến ngày 27/5/2022 là 159.491.299 đồng cụ thể từng thẻ như sau:

- Thẻ Visa Credit Classic 472074-7686; nợ gốc là 345.851 đồng; lãi quá hạn 1.319.112 đồng; dư nợ là 1.664.963 đồng.

- Thẻ Family Local Credit 970403-8207; nợ gốc là 29.119.472 đồng; lãi quá hạn 128.706.864 đồng; dư nợ là 157.826.336 đồng. Tổng số nợ gốc của 02 thẻ là: Nợ gốc là 29.465.323 đồng; lãi quá hạn là 130.025.976 đồng; tổng dư nợ là 159.491.299 đồng.

Kể từ ngày 28/5/2022 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông T thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Lê Khắc T (vắng mặt không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự; tuy nhiên Tòa án có vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Khắc T có địa tại số II 41 đường số X, khu phố Y, phường H, thành phố T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 08/10/2020 và tài liệu, chứng cứ kèm theo của Ngân hàng thương mại cổ phần S, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng dân sự về hợp đồng vay tài sản được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S ủy quyền cho ông Lã Ngọc M tham gia tố tụng và được Tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Bị đơn ông Lê Khắc T đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như. Thông báo thụ lý; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do, coi như đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Đó đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.5]. Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức cho rằng Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án sơ thẩm vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử là có cơ sở, nên Thẩm phán cần phải rút kinh nghiệm.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 27/5/2022 là 159.491.299 đồng (trong đó tiền gốc là 29.465.323 đồng và tiền lãi quá hạn là 130.025.976 đồng). Kể từ ngày 28/5/2022 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông T thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

[2.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn và bản tóm tắt sao kê ngày 27/5/2022, căn cứ hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng của bị đơn do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã nhận thẻ tín dụng và thực hiện giao dịch, bị đơn đã có giao dịch bằng thẻ tín dụng nhiều lần với tổng số tiền 31.400.000 đồng trong thời gian từ ngày 13/02/2012 đến ngày 20/5/2012.

[2.2]. Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn cùng giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/02/2012 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định bị đơn có đề nghị nguyên đơn cấp thẻ tín dụng hạn mức 25.000.000 đồng (hai thẻ chung một hạn mức). Sau khi xem xét nguyện vọng, điều kiện của bị đơn, Ngân hàng đã phê duyệt đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng cho bị đơn. Sau các lần giao dịch, từ ngày 13/02/2012 đến ngày 20/5/2012 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 8.200.000 đồng; trong số tiền bị đơn thanh toán, nguyên đơn đã trừ vào các khoản phí và lãi suất phát sinh, số tiền dư nợ gốc của bị đơn còn lại là 29.465.323 đồng.

[2.3]. Xét, do bị đơn đã giao dịch vượt quá hạn mức và vi phạm về thời gian thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển số tiền gốc là 29.465.323 đồng thành nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn phải thanh toán 29.465.323 đồng tiền lãi suất quá hạn từ ngày 20/9/2012 cho đến ngày 27/5/2012. Tổng cộng số tiền 130.025.976 đồng là phù hợp với quy định tại mục 22, 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; như vậy việc vay nợ giữa Ngân hàng và ông T là có thật, sự thỏa thuận các nội dung của đương sự được ghi trong hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó lỗi vi phạm hợp đồng vay thuộc về ông T, kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì việc đòi nợ của Ngân hàng là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.4]. Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[3.] Về án phí dân sự sơ thẩm: 7.974.565 đồng ông Lê Khắc T phải chịu; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Áp dụng Điều 305, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

Buộc ông Lê Khắc T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vay tạm tính đến ngày 27/5/2022 là 159.491.299 (một trăm năm mươi chín triệu bốn trăm chín mươi một nghìn hai trăm hai mươi chín) đồng (trong đó số tiền gốc là 29.465.323 (hai mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi ba) đồng và tiền lãi quá hạn là 130.025.976 (một trăm ba mươi triệu không trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Khắc T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 7.974.565 (bảy triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi lăm) đồng ông Lê Khắc T phải chịu; hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 3.329.082 (ba triệu ba trăm hai mươi chín nghìn không trăm tám mươi hai) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0058052 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tình

